|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số:225/QĐ-BKHCN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2022* |

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ quỹ gen cấp quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

##### BỘ TRƯỞNG

##### BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BKHCN ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2017/TT-BKHCN;*

*Căn cứ các Quyết định số:1878/QĐ-BKHCN ngày 15/7/2021, 2024/QĐ-BKHCN ngày 02/8/2021, 2084/QĐ-BKHCN và 2085/QĐ-BKHCN ngày 12/8/2021, 2175/QĐ-BKHCN ngày 25/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Quỹ gen cấp quốc gia thực hiện từ năm 2022;*

*Xét kết quả làm việc của các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chínhvà Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục đặt hàng bảy (07) nhiệm vụ khoa học và công nghệ quỹ gen cấp quốc giathuộc “Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm2025, định hướng đến năm 2030” bắt đầu thực hiện từ năm 2023.

(Chi tiết 07 nhiệm vụ trong phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế – kỹ thuật phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Giám đốc Văn phòng Các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước tổ chức các Hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn/xét chọnvà Tổ thẩm định nội dung và kinh phí các nhiệm vụ nêu tại Điều 1theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế – kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ trưởng (để b/c);  - Thứ trưởng Phạm Công Tạc;  - Lưu VT, KHTC. | **KT.BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Phạm Công Tạc** |

***Phụlục***

**DANH MỤC ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN QUỸ GEN CẤP QUỐC GIA THUỘC “CHƯƠNG TRÌNH**

**BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN GEN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030”**

**BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2023**

*(KèmtheoQuyếtđịnhsố 225/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 03 năm 2022 củaBộtrưởngBộ Khoa họcvàCôngnghệ)*

| **TT** | **Tênnhiệmvụ** | **Địnhhướngmụctiêu** | **Yêucầuđốivớikếtquả** | **Phươngthứctổchứcthựchiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM** | | | |
| 1 | SảnxuấtthửnghiệmgiốngLúatẻ Di HươngvàgiốngLúanếpxoắntạimộtsốtỉnhvenbiểnđồngbằngsôngHồng. | Hoàn thiện được quy trình sản xuất lúa gạo an toàn theo hướng hữu cơvà phát triển sản xuất hai giống Lúa tẻ Di Hương và Lúa nếp xoắn tại một số tỉnh ven biển đồng bằng sông Hồng | - Bộ cơ sở dữ liệu đánh giá các chỉ tiêu dinh dưỡng của 2 giống Lúa tẻ Di hương và Lúa nếp xoắn;  - 02 quy trình sản xuất (thâmcanh, thu hoạch, bảo quản, chế biến...) lúa gạo an toàn theo hướng hữu cơcho 02 giống lúa, được công nhận cấp cơ sở;  - 5÷8 tấn giống nguyên chủng/giống, 20 ÷ 30 tấn giống lúa xác nhận/giống, đạt tiêu chuẩn chất lượng theo đạt chất lượng theo QCVN 01–54: 2011/BNNPTNT;  -06 mô hình sản xuất thương phẩm: qui mô 10 ÷ 15ha/ mô hình/giống, hiệu quả kinh tế tăng 10÷15% so với sản xuất lúa đại trà;  - 01÷ 02 mô hình sảnxuất gạohànghóa, quy mô 60÷80 tấn gạo/2 giống;  - Nhânrộng 2 giốnglúatrongsảnxuất, đạtquymôtốithiểu 300ha saukhikếtthúcdựán;  - 200 lượt người được tập huấn, đào tạo về quy trình kỹ thuật nhân giống, thâm canh, thu hoạch, bảo quản và chế biến 2 giống lúa;  - 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. | Tuyển chọn |
| 2 | Sảnxuấtthửnghiệmgiốngvàdượcliệutừnguồn gen Hồng hoa(*Carthamus tinctorius* L.). | - Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật sản xuất giống và dược liệu từ nguồn gen Hồng hoa;  - Xây dựng được mô hình sản xuất giống và dược liệu Hồng hoa. | - Quy trình kỹthuậtsảnxuấthạtgiốngvàcây giống Hồng hoa hữu tính;  - Quy trình kỹ thuật sản xuất dược liệu Hồng hoa theo hướng dẫn GACP-WHO;  - GiốngHồng hoakèmtheo tiêu chuẩn cơ sở củahạtgiốngvàcâygiốngđượccôngbốtheoquyđịnhhiệnhành;  - Tiêu chuẩn cơ sở của dược liệu Hồng hoa (có chỉ tiêu định lượng thành phần hóa học chính);  - Mô hình sản xuất câygiốngHồnghoa: diệntích 5.000 m2 vớicôngsuất 500.000 câygiống/năm;  - 10 ha mô hình sản xuất dược liệu Hồng hoa được tiếp nhận hồ sơ đánh giá GACP;  - 1.000 kg dược liệu Hồng hoa đạt tiêu chuẩn cơ sở;  - 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. | Tuyểnchọn |
| 3 | Sản xuất thử nghiệm nguồn gen gà Curoang tại một số tỉnh Bắc Trung bộ. | Hoàn thiện được quy trình chăn nuôi để nâng cao năng suất gà Curoang. | - Đàn hạt nhân: 300 mái sinh sản nuôi tập trung; năng suất trứng/mái/năm ≥ 95,0 quả; tỷ lệ trứng đủ tiêu chuẩn giống≥ 90%; tỷ lệ trứng có phôi ≥ 94%; tỷ lệ nở/trứng có phôi ≥ 87%; tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng ≤ 3,3 kg;  - Đàn sản xuất có quy mô 2000 mái sinh sản nuôi tại 2 mô hình ở 2 tỉnh (tối đa 5 cơ sở/mô hình; tối thiểu 100 mái/cơ sở), đạt các chỉ tiêu: tuổi đẻ 20÷21 tuần tuổi; năng suất trứng/mái/năm ≥ 90 quả; tỷ lệ trứng có phôi ≥ 93%; tỷ lệ nở/trứng có phôi ≥ 85%; tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng≤ 3,5 kg;  - Đàn thương phẩm có quy mô 15.000 con nuôi tại 3 mô hình tại 02 tỉnh (tối đa 5 cơ sở/mô hình; tối thiểu 300 con/cơ sở), đạt các chỉ tiêu khi kết thúc 16 tuần tuổi: tỷ lệ nuôi sống ≥ 92%; khối lượng ≥ 1,2kg/con; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng ≤ 3,2 kg;  - Quy trình chăn nuôi gà sinh sản và thương phẩm đã hoàn thiện;  - 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. | Tuyểnchọn |
| **II** | **ĐỀ TÀI** | | | |
| 4 | Đánh giá tiềm năng di truyền nguồn gen Sen Việt Nam phục vụ công tác chọn giống, sản xuất và phát triển bền vững | Tưliệuhóađượcnguồn gen Sen Việt Nam vàđềxuấtđượcmộtsốnguồn gen triểnvọng, cónăngsuấtvàchấtlượngcaophụcvụsảnxuất | - Tậpđoànnguồn gen Sen Việt Nam cóítnhấtlà 250 mẫunguồn gen Sen địaphươngthuthập ở 3 miền: Bắc, Trungvà Nam đượcbảotồn, lưugiữ;  - Bộdữliệuvềcácđặcđiểmnôngsinhhọcchínhcủatậpđoànnguồn gen Sen địaphươngtheotiêuchuẩncủaHiệphộiSen quốctế (IWGS);  - Bộdữliệuđadạng di truyềnđượcxácđịnhbằng chỉ thị phântử SSR (ISSR) đốivớicácnguồn gen Sen đãđượcthuthập;  - Ítnhất 03 nguồn gen Sen địaphương có đặcđiểmnôngsinhhọctốt, năngsuất, chấtlượngcaovàkhángbệnh (thánthư/ thốithân) đượcxácđịnhbằngmãvạch ADN (DNA barcode) giớithiệuchosảnxuất;  - Cácquytrìnhnhângiống (*in vitro*và*in vivo),* quytrìnhcanhtácchocácgiốngSen đãđượctuyểnchọn;  - 03 môhìnhtrồngthửnghiệmcácnguồn genSenđãđượctuyểnchọn, quymô 01ha trồngbằngcâynhângiống*in vitro*chomỗinguồn gen);  - 01bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành; 01 bàibáoquốctếcôngbốtrênTạpchíquốctếthuộcdanhmục ISI/Scopus. | Tuyểnchọn |
| 5 | Nghiêncứukhaithác, pháttriểnnguồn gen câynhuộmmàuthựcphẩm (câyHoađậubiếc (*Clitoriaternatea*L.), câyCơmnếp (*Pandanus amaryllifolius*Roxb) tạivùngtrung du miềnnúiphíaBắc | Khaithácvàpháttriểnbềnvữngnguồn gen câyHoađậubiếc (*Clitoriaternatea*L.,) và câyCơmnếp (*Pandanus amaryllifolius*) làmnguyênliệunhuộmmàutựnhiên an toàn, phụcvụngànhcôngnghệthựcphẩmtạivùngtrung du miềnnúiphíaBắc. | - Cơsởdữliệuvềnguồngốc, phânbố, đặcđiểmnôngsinhhọc, đadạng di truyền, giátrịvàtiềmnăngpháttriểncủanguồn gen câyHoađậubiếcvàcâyCơmnếp; 02 bảnmôtảtínhtrạngđặctrưngcủa 2 nguồn gen câyHoađậubiếcvàcâyCơmnếp;  - 02 nguồn gen HoađậubiếcvàcâyCơmnếptuyểnchọncónăngsuấtvàchấtlượngnhuộmmàucao;   - Vườnlưugiữgiốnggốccủa 02 nguồngen HoađậubiếcvàcâyCơmnếptuyểnchọn, diệntích 500 m2;  - Cácquytrìnhnhângiống; quytrìnhcanhtác; quytrìnhthuhoạch, bảoquảnvàsơchếcho 02 nguồn gen đạtnăngsuấtvàchấtlượngcaođượccôngnhậncấpcơsở;  -  20÷ 30kg hạtHoađậubiếcvà 10.000÷ 15.000 câygiốngcâyCơmnếpđượcnhântừcácnguồn gen đãtuyểnchọnđạttiêuchuẩncơsở;  - Môhìnhcanhtác: 2 ÷ 4 ha/2 nguồn gen; năngsuấttăng 15% so vớisảnxuấtđạitrà;  - 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. | Tuyểnchọn |
| 6 | Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen cây Thông Xuân Nha 5 lá rủ (*Pinus cernua* L.K.Phan ex Aver., K.S.Nguyen & T.H.Nguyên) tại các tỉnh Tây Bắc. | Bảo tồn và phát triển được nguồn gen cây Nha 5 lá rủ tại một số tỉnh Tây Bắc. | - Báo cáo đặc điểm lâm học, sinh học, giá trị nguồn gen và đa dạng di truyền nguồn gen cây Thông Xuân Nha 5 lá rủ;  - 50 cây mẹ nguồn gen cây Thông Xuân Nha 5 lá rủ có sinh trưởng và năng suất vượt tối thiểu từ 10% so với trung bình quần thể;  - 02 ha vườn sưu tập kết hợp khảo nghiệm giống có ít nhất 30 gia đình tại 02 tỉnh vùng Tây Bắc;  - 10.000 cây giống đủ tiêu chuẩn trồng rừng từ nguồn vật liệu cây trội đã được công nhận;  - 08 ha mô hình rừng trồng tại 02 tỉnh, tỷ lệ sống ≥ 85 % có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, ít sâu bệnh;  - 01 hướng dẫn kỹ thuật nhân giốngcâyThôngXuânNha 5 lárủ;  - 01 hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh gỗ lớn;  - 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. | Tuyểnchọn |
| 7 | Khai thác và phát triển nguồn gen cây Mắc mật (*Clausena indica* Daizell (Oliv.) tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. | Khai thác và phát triển được nguồn gen Mắc mật góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế, xã hội tại một số tỉnh miền núi phía Bắc. | - Báo cáo đặc điểm sinh học, giá trị nguồn gen và đa dạng di truyền nguồn gen cây Mắc mật;  - 30 ÷ 40 cây mẹ có sinh trưởng và năng suất vượt tối thiểu từ 10-15% so với trung bình quần thể được lựa chọn;  - 0,5 ha vườn lưu giữ giống nhân từ cây mẹ được lựa chọn.  - 5.000 ÷ 10.000 cây giống nhân từ nguồn vật liệu được tuyển chọn đạt tiêu chuẩn xuất vườn;  - 02 ÷03 ha mô hình trồng mới tại 02 tỉnh vùng miền núi phía Bắc Việt Nam, tỷ lệ sống ≥ 85%, sinh trưởng, phát triển tốt;  - 03 ha mô hình thâm canh đạt hiệu quả kinh tế cao hơn 15% so với bình quân đại trà;  - 01 Quy trình nhân giống cây Mắc mật bằng phương pháp ghép;  - 01 Quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch lá, quả nguồn gen cây Mắc mật;  - 02 Quy trình chế biến sản phẩm (tinh dầu và bột gia vị) từ nguồn gen cây Mắc mật;  - 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành. | Tuyểnchọn |